TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87 /2019/HNGĐ- ST
Ngày 17-10- 2019
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/9/2019 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXX-ST ngày 10/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1984; HKTT và nơi cư trú: Đội 2, thôn S, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1984; HKTT và nơi cư trú: Đội 2, thôn S, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Tôi và chị Đỗ Thị T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 04/01/2008. Sau khi kết hôn một năm thì chị T có biểu hiện khác thường, chúng tôi không còn hạnh phúc và có nhiều mâu thuẫn, chị T không tôn trọng gia đình tôi và không quan tâm tới các con. Từ tháng 7/2014, tôi và chị T đã sống ly thân, chị T ở nhà đất bố mẹ tôi cho, còn tôi lên ở với bố mẹ tôi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Đỗ Thị T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/9/2008 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/01/2010. Hai cháu đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, tôi xin được nuôi dưỡng hai con chung, tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi làm nghề tự do, thu nhập khoảng 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Đỗ Thị T trình bày: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 04/01/2008. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc được một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, con còn nhỏ nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, anh Đ thỉnh thoảng đánh tôi nhưng tôi vẫn nhẫn nhịn bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống. Năm 2013, vợ chồng tôi sửa nhà và làm ngôi nhà mái bằng như hiện nay, tuy nhiên do vay mượn nhiều nên kinh tế gia đình khó khăn hơn. Rằm tháng 7/2016, tôi và anh Đ xảy ra mâu thuẫn cãi vã, anh Đ đánh tôi. Đến gần tết anh Đ về nhà bố mẹ đẻ ăn Tết và ở lại đó từ đấy đến nay. Anh Đ vẫn thỉnh thoảng về nhà ở với tôi. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ để các con có bố, có mẹ. Nếu anh Đ kiên quyết xin ly hôn thì tôi cũng sẽ giải phóng cho anh Đ.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/9/2008 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/01/2010. Hai cháu đang ở với ông bà nội. Trường hợp ly hôn, tôi xin được nuôi cả 02 con chung, tôi yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi con là 700.000đồng/tháng. Hiện tôi làm công nhân, thu nhập khoảng 5.000.000đồng – 6.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Anh Đ được ly hôn chị T. Con chung: Giao cháu Nguyễn Việt D cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Duy A cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Anh Đ phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn chị Đỗ Thị T. Hiện chị Đỗ Thị T đang cư trú tại Đội 2, thôn S, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 04/01/2008 là hợp pháp. Quá trình chị T, anh Đ phát sinh mâu thuẫn. Theo anh Đ nguyên nhân mâu thuẫn do chị T không tôn trọng gia đình, không quan tâm tới các con, hai vợ chồng ly thân từ tháng 7/2016. Theo chị T kinh tế khó khăn, con nhỏ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng ly thân từ năm 2016, anh Đ xin ly hôn thì chị T không đồng ý, xin đoàn tụ để các con có bố có mẹ nhưng chị T cũng trình bày trường hợp anh Đ kiên quyết xin ly hôn thì chị cũng đồng ý. Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị T.

Xét thấy, tình cảm giữa anh Đ và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đ với chị T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/9/2008 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/01/2010. Anh Đ và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn. Xét thấy, anh Đ và chị T đều có công việc, có thu nhập, cháu D có nguyện vọng ở với bố, cháu Duy A có nguyện vọng ở với cả bố và mẹ, tuy nhiên cháu Duy A còn nhỏ, mới 9 tuổi cần có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, giao cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D, giao chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Duy A đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Đ và chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Văn Đ** được ly hôn chị **Đỗ Thị T**

2. Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/9/2008 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/01/2010.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/9/2008 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Đỗ Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 11/01/2010 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Chị Đỗ Thị T, anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/00042 48 ngày 28 tháng 8 năm 2019

Anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quý